**Biểu mẫu 17**

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021 - 2022**

**Ngành: LUẬT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** |
| **Đại học chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | - Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương  - Thực hiện theo quy định chung về công tác tuyển sinh đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo. |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | ***1. Mục tiêu***  Chương trình nhằm đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt; có kiến thức và tư duy pháp luật nền tảng; có năng lực nghiên cứu, có kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để làm việc tại các cơ quan nhà nước, các cơ sở giáo dục, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế; có khả năng giải quyết tốt những vấn đề pháp luật nảy sinh trong đời sống xã hội và có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn.  ***2. Về kiến thức***  Đào tạo sinh viên ngành Luật trở thành những người am hiểu kiến thức về nhà nước và pháp luật; thông hiểu kiến thức các ngành luật; có phương pháp tự học và tự tìm hiểu, tích lũy kiến thức pháp luật. Có kiến thức về nhà nước, về pháp luật gồm: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới, Luật hiến pháp… Được cập nhật về các ngành luật Việt Nam bao gồm: Luật hành chính, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật thương mại, Luật lao động, Luật tài chính, Luật ngân hàng, Luật đất đai, Luật môi trường, Luật sở hữu trí tuệ…  Sinh viên nắm vững kiến thức trong hoạt động kinh tế về hàng hóa, thương mại dịch vụ, về sở hữu trí tuệ, các vấn đề về bán phá giá, tự vệ thương mại... được trang bị những kiến thức chuyên sâu về pháp luật hợp đồng, pháp luật về đầu tư, pháp luật doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh…  Nắm vững kiến thức trong hoạt động quản lý hành chính về hoạt động và tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước; về tuyển dụng, sử dụng công chức và viên chức; về thủ tục, quy trình khiếu nại và khiếu kiện để có thể đảm nhận các vị trí chuyên viên trong các cơ quan hành chính nhà nước, luật sư, thẩm phán Tòa hành chính, công chứng viên, công an…  Có kiến thức chuyên sâu trong hoạt động quản lý nhà nước về giao đất, định giá đất, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; về quy hoạch và xây dựng… để có thể làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và xây dựng như Sở Tài nguyên môi trường, Phòng Tài nguyên môi trường, Sở xây dựng…  Có kiến thức chuyện ngành về quản lý hộ tịch, soạn thảo các văn bản hành chính để có thể làm tốt các công tác chuyên môn của vị trí chuyên viên hoặc công chức chuyên môn tại Ủy ban nhân dân các cấp hoặc các Sở, Phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân. Sinh viên có khả năng soạn thảo các loại đơn khiếu nại, khiếu kiện; soạn thảo các loại văn bản nhà nước; viết biên bản phiên tòa, bản án các loại; tư vấn các vấn đề liên quan đến pháp luật Việt Nam; tư vấn các vấn đề về thủ tục hành chính và tư vấn giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai, quy hoạch, xây dựng, hộ tịch... và các kiến thức, kỹ năng khác.  ***3. Về kỹ năng***  - Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; biết tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh xã hội luôn biến động, bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lí dựa trên những luận cứ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng tự nghiên cứu và lập luận, biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lí trong thực tiễn.  - Có kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy lôgíc và sáng tạo; có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình; có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích.  - Có kỹ năng đàm phán, tư vấn và làm việc với khách hàng; có kỹ năng thích ứng và quản lý sự thay đổi với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động;  - Có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu chuyên ngành, có kỹ năng tin học cơ bản.  ***4. Yêu cầu về thái độ***  - Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;  - Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng cộng và xã hội, có lòng nhân ái.  - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề.  - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;  - Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp trong công việc.  - Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết công việc đạt hiệu quả cao. |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Trên cơ sở Kế hoạch năm học do Bộ môn xây dựng, giảng viên phụ trách liên hệ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Tỉnh có hoạt động phù hợp với chuyên ngành Luật cho sinh viên tham quan, học tập thực tế tại cơ sở. Hoạt động này giúp sinh viên nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thái độ làm việc trong môi trường thực tiễn.  Tư vấn học tập thông qua đội ngữ cố vấn học tập là các giảng viên chủ nhiệm có kinh nghiệm. Ngoài ra, các giảng viên giảng dạy môn chuyên ngành đóng vai trò là cố vấn học tập cho sinh viên bộ môn. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thực hiện các sáng kiến cải tiến kỹ thuật thông qua Câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học của Hội sinh viên trường.  Giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp thông qua Trung tâm doanh nghiệp; các cơ quan. |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Chương trình đào tạo Đại học Luật được xây dựng trên cơ sở khung chương trình Giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo khối ngành Luật.  Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống Tín chỉ được quy định tại Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Luật. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | - Làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm cơ quan quyền lực như HĐND các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, công an, làm việc tại bộ phận thanh tra, pháp chế của các cơ quan quan chuyên môn, làm việc tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội;  - Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên, làm phòng tổ chức hành chính trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật như ngân hàng, các công ty, tổng công ty,...  - Làm việc tại các cơ sở giáo dục như trường đại học, cao đẳng, TCCN, các trường phổ thông.  - Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Quảng Bình, ngày ….. tháng …. năm 2021* |

**TRƯỞNG KHOA HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Văn Duy PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng**

**Biểu mẫu 18**

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019-2020**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khối ngành | Quy mô sinh viên hiện tại | | | | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | Cao đẳng sư phạm | | Cao đẳng ngoài sư phạm | |
| Chính quy | Vừa làm vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Khối ngành I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Khối ngành II |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Khối ngành III |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 4 | Khối ngành IV |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 5 | Khối ngành V |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 6 | Khối ngành VI |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 7 | Khối ngành VII |  |  |  |  |  |  |  |  |

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khối ngành | Số sinh viên tốt nghiệp | Phân loại tốt nghiệp (%) | | | Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)\* |
| Loại xuất sắc | Loại giỏi | Loại khá |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |
| 1 | Khối ngành I |  |  |  |  |  |
| 2 | Khối ngành II |  |  |  |  |  |
| 3 | Khối ngành III |  |  |  |  |  |
| 4 | Khối ngành IV |  |  |  |  |  |
| 5 | Khối ngành V |  |  |  |  |  |
| 6 | Khối ngành VI |  |  |  |  |  |
| 7 | Khối ngành VII |  |  |  |  |  |

(\*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)\* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Khóa 59:** | | | | | |
| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
| 1 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 2 | Tâm lý học đại cương | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 3 | Xã hội học đại cương | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 4 | Kỹ năng mềm | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 5 | Đạo đức học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 6 | Lý luận về nhà nước và pháp luật 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 7 | Những NLCB của CN Mác–Lênin 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 |  |
| 8 | Lý luận về nhà nước và pháp luật 2 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 9 | Phương pháp NCKH chuyên ngành luật | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 10 | Logic học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 11 | Tin học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 12 | Luật hiến pháp Việt Nam | Phát triển kiến thức nền tảng | 4 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 13 | Những NLCB của CN Mác–Lênin 2 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 14 | Luật dân sự Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 15 | Tin học ứng dụng | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 16 | Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lí | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 17 | Lịch sử nhà nước và pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 3 | Viết, vấn đáp |
| 18 | Luật hành chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 3 | Viết, vấn đáp |
| 19 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 20 | Luật lao động Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 21 | Luật dân sự Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 22 | Luật thương mại Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 23 | Luật hình sự Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 24 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 25 | Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 26 | Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 27 | Luật thương mại Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 28 | Luật hình sự Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 29 | Luật đất đai Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 30 | Luật tài chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 31 | Luật tố tụng hình sự Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 31 | Luật tố tụng dân sự Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 33 | Luật ngân hàng Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 34 | Luật tố tụng hành chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 35 | Tham quan thực tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 1 | HỌC KỲ 6 | Viết, vấn đáp |
| 36 | Luật sở hữu trí tuệ | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 37 | Công pháp quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 38 | Tư pháp quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 39 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 40 | Công chứng, chứng thực | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 41 | Luật hiến pháp nước ngoài | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 42 | Kỹ năng tư vấn pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 7 | Viết, vấn đáp |
| 43 | Kỹ năng nghiên cứu và lập luận | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Viết, vấn đáp |
| 44 | Luật thương mại quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 45 | Luật đầu tư | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 46 | Luật cạnh tranh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 47 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 48 | Quản trị kinh doanh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 49 | Tiếng Anh chuyên ngành | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 50 | Pháp luật về phòng chống tham nhũng | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 51 | Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 52 | Lý luận và pháp luật về quyền con người | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 53 | Luật chứng khoán | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 54 | Luật kinh doanh bảo hiểm | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT – TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 55 | Lễ tân ngoại giao | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 56 | Thực tập nghề nghiệp | Củng cố và hoàn thiện kỹ năng làm việc chuyên ngành trong môi trường thực tiễn. | 5 | HỌC KỲ 8 | Báo cáo, phỏng vấn |
| 57 | Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 6 | HỌC KỲ 8 | Báo cáo, phỏng vấn  (Viết, vấn đáp) |
| **II. Khóa 60:** | | | | | |
| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
| 1 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 2 | Tâm lý học đại cương | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 3 | Xã hội học đại cương | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 4 | Kỹ năng mềm | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 5 | Đạo đức học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 6 | Lý luận về nhà nước và pháp luật 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 7 | Những NLCB của CN Mác–Lênin 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 |  |
| 8 | Lý luận về nhà nước và pháp luật 2 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 9 | Phương pháp nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 10 | Logic học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 11 | Tin học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 12 | Luật hiến pháp Việt Nam | Phát triển kiến thức nền tảng | 4 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 13 | Những NLCB của CN Mác–Lênin 2 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 14 | Luật dân sự Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 15 | Tin học ứng dụng | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 16 | Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lí | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 17 | Lịch sử nhà nước và pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 3 | Viết, vấn đáp |
| 18 | Luật hành chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 3 | Viết, vấn đáp |
| 19 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 20 | Luật lao động Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 21 | Luật dân sự Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 22 | Luật thương mại Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 23 | Luật hình sự Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 24 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 25 | Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 26 | Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 27 | Luật thương mại Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 28 | Luật hình sự Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 29 | Luật đất đai Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 30 | Luật tài chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 31 | Luật tố tụng hình sự Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 31 | Luật tố tụng dân sự Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 33 | Luật ngân hàng Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 34 | Luật tố tụng hành chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 35 | Tham quan thực tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 1 | HỌC KỲ 6 | Viết, vấn đáp |
| 36 | Luật sở hữu trí tuệ | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 37 | Công pháp quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 38 | Tư pháp quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 39 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 40 | Công chứng, chứng thực | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 41 | Luật hiến pháp nước ngoài | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 42 | Kỹ năng tư vấn pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 7 | Viết, vấn đáp |
| 43 | Kỹ năng nghiên cứu và lập luận | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Viết, vấn đáp |
| 44 | Luật thương mại quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 45 | Luật đầu tư | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 46 | Luật cạnh tranh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 47 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 48 | Quản trị kinh doanh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 49 | Tiếng Anh chuyên ngành | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 50 | Pháp luật về phòng chống tham nhũng | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 51 | Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 52 | Lý luận và pháp luật về quyền con người | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 53 | Luật chứng khoán | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 54 | Luật kinh doanh bảo hiểm | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT – TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 55 | Lễ tân ngoại giao | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 56 | Thực tập nghề nghiệp | Củng cố và hoàn thiện kỹ năng làm việc chuyên ngành trong môi trường thực tiễn. | 5 | HỌC KỲ 8 | Báo cáo, phỏng vấn |
| 57 | Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 6 | HỌC KỲ 8 | Báo cáo, phỏng vấn  (Viết, vấn đáp) |
| **III. Khóa 61:** | | | | | |
| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
| 1 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 2 | Tâm lý học đại cương | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 3 | Xã hội học đại cương | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 4 | Kỹ năng mềm | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 5 | Đạo đức học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 6 | Lý luận về nhà nước và pháp luật 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 1 | Vấn đáp, viết |
| 7 | Những NLCB của CN Mác–Lênin 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 |  |
| 8 | Lý luận về nhà nước và pháp luật 2 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 9 | Phương pháp nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 10 | Logic học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 11 | Tin học | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 12 | Luật hiến pháp Việt Nam | Phát triển kiến thức nền tảng | 4 | HỌC KỲ 2 | Vấn đáp, viết |
| 13 | Những NLCB của CN Mác–Lênin 2 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 14 | Luật dân sự Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 15 | Tin học ứng dụng | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 16 | Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lí | Phát triển kiến thức nền tảng | 2 | HỌC KỲ 3 | Vấn đáp, viết |
| 17 | Lịch sử nhà nước và pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 3 | Viết, vấn đáp |
| 18 | Luật hành chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 3 | Viết, vấn đáp |
| 19 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Phát triển kiến thức nền tảng | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 20 | Luật lao động Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 21 | Luật dân sự Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 22 | Luật thương mại Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 23 | Luật hình sự Việt Nam 1 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 4 | Vấn đáp, viết |
| 24 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 25 | Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 26 | Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 27 | Luật thương mại Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 28 | Luật hình sự Việt Nam 2 | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 4 | HỌC KỲ 5 | Vấn đáp, viết |
| 29 | Luật đất đai Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 30 | Luật tài chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 31 | Luật tố tụng hình sự Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 31 | Luật tố tụng dân sự Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 33 | Luật ngân hàng Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 34 | Luật tố tụng hành chính Việt Nam | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 6 | Vấn đáp, viết |
| 35 | Tham quan thực tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 1 | HỌC KỲ 6 | Viết, vấn đáp |
| 36 | Luật sở hữu trí tuệ | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 37 | Công pháp quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 38 | Tư pháp quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 3 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 39 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 40 | Công chứng, chứng thực | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 41 | Luật hiến pháp nước ngoài | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 42 | Kỹ năng tư vấn pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 7 | Viết, vấn đáp |
| 43 | Kỹ năng nghiên cứu và lập luận | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 7 | Viết, vấn đáp |
| 44 | Luật thương mại quốc tế | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 45 | Luật đầu tư | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 46 | Luật cạnh tranh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 47 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 48 | Quản trị kinh doanh | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 7 | Vấn đáp, viết |
| 49 | Tiếng Anh chuyên ngành | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 50 | Pháp luật về phòng chống tham nhũng | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 51 | Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 52 | Lý luận và pháp luật về quyền con người | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật HC - TP | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 53 | Luật chứng khoán | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 54 | Luật kinh doanh bảo hiểm | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT – TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 55 | Lễ tân ngoại giao | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật KT - TM | 2 | HỌC KỲ 8 | Vấn đáp, viết |
| 56 | Thực tập nghề nghiệp | Củng cố và hoàn thiện kỹ năng làm việc chuyên ngành trong môi trường thực tiễn. | 5 | HỌC KỲ 8 | Báo cáo, phỏng vấn |
| 57 | Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp | Phát triển kiến thức chuyên ngành Luật | 6 | HỌC KỲ 8 | Báo cáo, phỏng vấn  (Viết, vấn đáp) |

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trình độ đào tạo** | **Tên đề tài** | **Họ và tên người thực hiện** | **Họ và tên người hướng dẫn** | **Nội dung tóm tắt** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên đơn vị đặt hàng đào tạo | Số lượng | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Kết quả đào tạo |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức | Số lượng đại biểu tham dự |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | | Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo | Thời điểm đánh giá ngoài | Kết quả đánh giá/Công nhận | | Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD | Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục | Giấy chứng nhận/Công nhân | |
| Ngày cấp | Giá trị đến |
| 1 | |  |  |  | |  |  |  |  |
| 2 | |  |  |  | |  |  |  |  |
|  | | | | *Quảng Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2020* | | | | |

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Phùng Thị Loan Nguyễn Văn Duy**